

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 4 - 2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cù Minh Sâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Hải;

2. Ông Nguyễn Lâm Tới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 145/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2022, về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm: 1987; địa chỉ: Tổ 6, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A; 0368487684;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phú Y, sinh năm: 1988; địa chỉ: Tổ 1, khóm II, thị trấn C, huyện T, tỉnh A.

Chị Lê Thị M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Phú Y vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

Năm 2006, chị Lê Thị M và anh Nguyễn Phú Y được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, sống chung với nhau được 02 con chung đến Ủy ban nhân dân thị trấn Chi Lăng đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 08/KH-UB ngày 20/01/2009. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010, anh Yên thường xuyên cờ bạc thiếu nợ, từ đó chị Mai và anh Yên thường xuyên mâu thuẫn, anh Yên còn đánh chửi chị Mai, không phụ lo cho cuộc sống của gia đình, một mình chị Mai gánh vác, hiện nay chị Mai đã về nhà mẹ ruột sinh sống cùng 02 con cho đến nay; nay nhận thấy tình cảm không còn, nên chị Mai yêu cầu ly hôn với anh Yên.

Trong thời gian chung sống 02 con chung Nguyễn Phú S, sinh ngày 22/9/2007 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 04/10/2009. Chị Mai yêu cầu nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh Yên cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng không thể tiến hành hòa giải được; Do anh Yên vắng mặt.

- Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên còn để án quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị M với anh Nguyễn Phú Y.

Về con chung: Để cho chị Lê Thị M nuôi dạy 02 con chung Nguyễn Phú S, sinh ngày 22/9/2007 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 04/10/2009; Không xem xét về cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Tịnh Biên. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2019;

[1.2] Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2019.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Lê Thị M với anh Nguyễn Phú Y chung sống với nhau năm năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chi Lăng đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 08/KH-UB ngày 20/01/2009, nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng hiện tại chị Mai và anh Yên xảy ra mâu thuẫn và chị Mai và anh Yên đã không sống chung với nhau gần 02 năm nay theo như kết quả xác minh tại Văn phòng ấp Phú Cường, xã An Nông là nơi chị Mai sinh sống.

Nhận thấy hôn nhân giữa chị Lê Thị M và anh Nguyễn Phú Y không hạnh phúc, kéo dài sẽ gây đau khổ cho nhau, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị M với anh Nguyễn Phú Y theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Phú Y trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung Nguyễn Phú S, sinh ngày 22/9/2007 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 04/10/2009; Chị Mai yêu cầu nuôi dạy 02 con chung, và hai cháu Sự, Ý có nguyện vọng được sống chung với chị Mai; Nên Tòa án tôn trọng sự nguyện vọng của hai cháu; Không đặt ra xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét.

[2.4] Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Nguyễn Phú Y không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M, chị Lê Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Phú Y;

Giấy chứng nhận kết hôn số 08/KH-UB ngày 20/01/2009 của Ủy ban nhân dân thị trấn Chi Lăng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực thi hành.

Chị Lê Thị M được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung Nguyễn Phú S, sinh ngày 22/9/2007 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 04/10/2009; anh Nguyễn Phú Y không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Chị Lê Thị M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Phú Y trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007527 ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên; Chị Mai đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Phú Y không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Báo cho chị Lê Thị M và anh Nguyễn Phú Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát H. Tịnh Biên (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS H. Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cù Minh Sâm